

Q326A108198
(HDTN26010731)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/09/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : PET/AL/PE
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Xem hình kèm theo / *See attached image.*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 03/09/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/09/2026 - 14/09/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH BAO BÌ YẾN PHÁT
179/33A Hòa Bình, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

PHỤ TRÁCH PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Tiêu Trọng Minh Luân



Phan Thanh Trung

Q326A108198
(HDTN26010731)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/09/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm) <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	Polyethylene	-	-
7.2	Hàm lượng chì <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	5	≤ 100
7.3	Hàm lượng cadimi <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	5	≤ 100
7.4	Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C <i>Heavy metals (as lead) in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	< 1	-	≤ 1
7.5	Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	1	≤ 10
7.6	Hàm lượng cặn khô trong n-heptane ở 25 °C, 60 phút <i>Evaporation residue in n-heptane at 25 °C, for 60 min</i>	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	14,8	-	≤ 30
7.7	Hàm lượng cặn khô trong ethanol 20 % (v/v) ở 60 °C, 30 phút <i>Evaporation residue in ethanol 20% (v/v) at 60 °C, for 30 min</i>	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	5	≤ 30

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A108198
(HDTN26010731)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/09/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.8	Hàm lượng cặn khô trong nước ở 60 °C, 30 phút Evaporation residue in water at 60 °C, for 30 min	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	5	≤ 30
7.9	Hàm lượng cặn khô trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C Evaporation residue in 4% acetic acid (v/v) at 60 °C, for 30 min	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH	5	≤ 30

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm” - Bảng 5 (PP/PE) / Results compared with quality levels: According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods” – Table 5 (PP/ PE).

- ASTM: American Society for Testing and Materials

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.